

Số: 01/2025/QĐST-DS

Sơn La, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 25/8/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/TB-TLVA ngày 15/10/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện V, tỉnh Sơn La nay là bản H, xã V, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Việt A, địa chỉ: Tầng C, số nhà B, phố H, phường V - Q, Thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh Trần Việt H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố S nay là phường T, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, địa chỉ: Số C, ngách B, ngõ B, Tổ A, phường Q, thành phố S nay là phường T, tỉnh Sơn La.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1966; Bà Trần Thị L, sinh năm 1969; Bà Trần Thị H1, sinh năm 1978 đều trú tại: Tổ I, phường Q, thành phố S nay là phường T, tỉnh Sơn La.

+ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1973, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn T, huyện T,

tỉnh Sơn La nay là số nhà A, tiểu khu A, xã T, tỉnh Sơn La.

+ Bà Nguyễn Thị T1, địa chỉ: Số C, ngách B, ngõ B, Tổ A, phường Q, thành phố S, nay là phường T, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị H1: Ông Bùi Việt A, địa chỉ: Tầng C, số nhà B, phố H, phường V - Q, Thành phố Hà Nội.

- Văn phòng C2, địa chỉ: Số nhà A, đường T, tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La nay là Phường T, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cầm Hiền C – Chức vụ: Trưởng văn phòng.

- Văn phòng C3, địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn N, huyện M nay là Tổ dân phố D, phường T, thị xã M, tỉnh Sơn La nay là Phường T, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân M1 - Chức vụ: Trưởng văn phòng.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Sơn La nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực X. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Thế L1.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh S. Địa chỉ: Tầng C+4, tòa nhà T, Trung tâm hành chính tỉnh Sơn La, Khu Q, Phường T, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Thế L1- Giám đốc chi nhánh V đăng ký đất đai Khu vực X.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về đất và tài sản trên đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH105859 vào sổ số CS00001 theo Quyết định 244/QĐ-VPĐKKĐĐ ngày 18/10/2017 thửa đất tại tờ bản đồ số 3/SĐ và tờ bản đồ số 12/SĐ các bên đương sự thống nhất phân chia như sau:

2.1.1. Nguyên đơn bà Trần Thị T được quản lý, sử dụng:

(1). Thửa số 1 tổng diện tích 625,0m² tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đất ông Q, phía Tây giáp đất ông Q, Phía Nam giáp thửa số 2, Phía Đông giáp đường.

+ Tổng diện tích đất ở nông thôn: 200m² (vị trí 1: 169,7m², vị trí 2: 30,3m²).

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 425 m².

Tài sản trên đất gồm: Nhà 01 tầng, móng đá giềng BTCT, khung cột gỗ, tường 3 mặt xây gạch dày 110mm, 1 mặt tường thung gỗ, trần ốp gỗ, mái lợp fibroximăng. Diện tích xây dựng: 87,4 m².

+ Bán mái lợp Fibroximăng Diện tích xây dựng: 92,9m².

+ Bếp xây móng đá, mái lợp fibroximăng Diện tích xây dựng: 12,8 m².
+ Nhà vệ sinh móng xây gạch, tường xây gạch chỉ, mái đồ BTCT Diện tích xây dựng: 6,9 m².

+ Sân lán vữa xi măng Diện tích xây dựng: 92,9 m².

(các công trình được ông Q bà T xây dựng năm 2017)

Về tài sản trên đất: 01 cây bưởi (15 năm trồng); 04 cây bưởi (4 năm trồng); cây chanh 01 cây (02 năm trồng); cây ổi 1 cây (3 năm trồng), 01 cây nhãn (20 năm trồng); 02 cây mít (2 năm trồng).

(2). Thửa số 6: Tổng diện tích 40.022,2 m², đất rừng sản xuất tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp suối; phía đông giáp rừng cộng đồng, phía tây giáp rừng cộng đồng, phía nam giáp rừng cộng đồng.

+ Tài sản trên đất như sau: Có 3,33 ha rừng hỗn giao tre nứa mục đích sử dụng: Rừng sản xuất, còn lại đất không có rừng.

2.1.2. Bị đơn anh Trần Việt H được quản lý, sử dụng:

(1). Thửa số 2: Tổng diện tích: 625 m² tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp thửa số 1, phía tây giáp đất ông Q, phía nam giáp thửa số 5, phía đông giáp đường.

Trong đó đất ở tại nông thôn: 200m² (vị trí 1: 169, 3m², vị trí 2: 30,3m²).

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích: 425,0 m²

- Tài sản trên đất gồm: Cây bưởi 02 cây (04 năm trồng), cây mít 01 cây (30 năm trồng), cây ổi 01 cây (10 năm trồng), cây bưởi 02 cây (5 năm trồng), cây cam 02 cây (2 năm trồng).

(2). Thửa số 4: Đất trồng cây hàng năm diện tích 513m² tiếp giáp như sau:

Phía bắc: giáp đất bà Q1.

Phía đông: Giáp suối.

Phía Tây: Giáp rừng.

Phía Nam: Giáp đất bà Q1.

Tài sản trên đất: Toàn bộ diện tích đất đang trồng lúa 513m² (bà Trần Thị Thu T3).

(3). Thửa số 5: Tổng Diện tích 4,007,6 m² đất rừng sản xuất tiếp giáp như sau:

Phía bắc: Giáp thửa số 2.

Phía Nam: Giáp ông H2.

Phía Tây: Giáp đất ông Q.

Phía Tây Nam: Giáp đất ông P

Phía đông: Giáp đường.

- Tài sản trên đất như sau: có 0,35 ha là rừng gỗ trồng nổi đất, còn lại là rừng trồng gỗ (chưa thành rừng).

(4). Thửa số 3: Tổng diện tích 10.035,5m² đất rừng sản xuất tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp suối; phía đông giáp rừng cộng đồng; phía tây giáp rừng cộng đồng; phía nam giáp rừng cộng đồng.

- Tài sản trên đất như sau: Có 0,37 ha rừng hỗn giao tre nứa, còn lại trên đất có cây nông nghiệp (sắn).

Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH105859 vào sổ số CS00001 theo Quyết định 244/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 18/7/2017 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh S nay là Sở Nông nghiệp và môi trường đang do anh Trần Việt H giữ các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động theo quy định.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí:

Nguyên đơn bà Trần Thị T nộp số tiền án phí là 12.258.209đ (mười hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn hai trăm linh chín đồng) được trừ vào số tiền 7.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001015 ngày 26/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Hồ nay là Phòng Thi hành án khu vực 6 còn phải nộp tiếp 4.758.209đ (bốn triệu bảy trăm năm tám hai trăm linh chín đồng).

Bị đơn anh Trần Việt H nộp án phí là 6.279.498đ (sáu triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng).

3.2. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị T, anh Trần Việt H tự nguyện thoả thuận mỗi bên chịu ½ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu C1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 11.515.000đ (mười một triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) bà T đã nộp đủ.

Bị đơn anh Trần Việt H trả cho nguyên đơn bà Trần Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.515.000đ (mười một triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

(Kèm theo quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự là sơ đồ

đo đạc ngày 31/7/2025).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Minh